

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



NGUYỄN CƯỜNG

**BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐỐI VỚI NÔNG SẢN,
QUA THỰC TIỄN TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ**

Chuyên ngành: **Luật Kinh tế**

Mã số: **8380107**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ - 2018

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Đoàn Đức Lương**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| MỞ ĐẦU | 1 |
| 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài | 1 |
| 2. Tình hình nghiên cứu đề tài..... | 1 |
| 3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu..... | 1 |
| 3.1. Mục đích nghiên cứu | 1 |
| 3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu | 2 |
| 4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu..... | 2 |
| 4.1. Đối tượng nghiên cứu..... | 2 |
| 4.2. Phạm vi nghiên cứu..... | 2 |
| 5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu | 2 |
| 5.1. Phương pháp luận nghiên cứu..... | 2 |
| 5.2. Phương pháp nghiên cứu..... | 2 |
| 6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn..... | 3 |
| 7. Kết cấu của luận văn..... | 3 |
| Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ KHUNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐỐI VỚI NÔNG SẢN | 4 |
| 1.1. Khái quát về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản | 4 |
| 1.1.1. Một số khái niệm cơ bản | 4 |
| 1.1.2. Ý nghĩa của việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản | 4 |
| 1.2. Khung pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản theo pháp luật Việt Nam | 4 |
| 1.2.1. Hệ thống các văn bản pháp luật quy định về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản | 4 |
| 1.2.2. Nội dung pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản..... | 5 |
| 1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản ở Việt Nam | 6 |
| 1.3.1. Yếu tố pháp luật..... | 6 |
| 1.3.2. Yếu tố thực thi pháp luật..... | 6 |
| TIỂU KẾT CHƯƠNG 1 | 22 |
| Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐỐI VỚI NÔNG SẢN Ở VIỆT NAM | 8 |
| 2.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản | 8 |
| 2.1.1. Pháp luật hiện hành về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản | 8 |
| 2.1.2. Những hạn chế của pháp luật hiện hành về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản..... | 9 |

| | |
|--|----|
| 2.2. Thực tiễn bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản ở Việt Nam và ở tỉnh Quảng Trị | 10 |
| 2.2.1. Tình hình bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản..... | 10 |
| 2.2.2. Thực tiễn bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm tiêu Quảng Trị. | 11 |
| TIỂU KẾT CHƯƠNG 2 | 12 |
| Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐỐI VỚI NÔNG SẢN | 13 |
| 3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản | 13 |
| 3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam | 13 |
| 3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản để khai thác tiềm năng của ngành nông nghiệp để duy trì truyền thống và phát triển nông thôn | 13 |
| 3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản phải tiếp cận những quy định của pháp luật quốc tế..... | 13 |
| 3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản | 13 |
| 3.2.1. Giải pháp hoàn thiện quy định về đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý | 13 |
| 3.2.2. Giải pháp hoàn thiện quy định về kiểm soát chất lượng nông sản mang chỉ dẫn địa lý | 14 |
| 3.2.3. Giải pháp hoàn thiện quy định về biện pháp xử lý hành vi xâm phạm chỉ dẫn địa lý | 14 |
| 3.3. Các giải pháp thực hiện pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản | 14 |
| 3.3.1. Nhóm giải pháp chung..... | 14 |
| 3.3.2. Nhóm giải pháp cho tỉnh Quảng Trị | 14 |
| TIỂU KẾT CHƯƠNG 3 | 15 |
| KẾT LUẬN | 16 |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Việt Nam là một quốc gia nông nghiệp với các yếu tố đặc trưng về tự nhiên và con người, có thế mạnh về sản xuất nông nghiệp. Các sản phẩm nông nghiệp rất phong phú, nhiều sản phẩm có tiếng tăm, có chất lượng, gắn liền với những địa danh cụ thể. Tuy nhiên chúng ta thực hiện cơ chế bảo hộ nông sản chưa thực sự đầy đủ, chưa xây dựng được nhiều thương hiệu trên thị trường, do đó doanh nghiệp cũng như người sản xuất thường chịu thiệt thòi trong điều kiện hội nhập kinh tế hiện nay.

Mặt khác, không thể không kể đến chức năng đặc trưng của chỉ dẫn địa lý là nhằm dẫn đến nguồn gốc của sản phẩm, gắn liền với điều kiện tự nhiên và con người. Mặc dù không có quy định nào hạn chế, nhưng chính yếu tố này gần như đã loại bỏ các sản phẩm công nghiệp - loại hàng hóa bị chi phối bởi trình độ khoa học, kỹ thuật trình độ cao - ra khỏi đối tượng bảo hộ.

Quảng Trị là tỉnh thuộc miền trung, với sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, có những sản phẩm đặc thù như Tiêu, chè, cà phê...nhưng chưa được biết đến rộng rãi, và giá trị kinh tế còn thấp. Một trong những nguyên nhân là do chưa xây dựng được thương hiệu.

Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của Bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản đối với sự phát triển kinh tế nói chung và Quảng Trị nói riêng, tác giả lựa chọn đề tài: “Bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản, qua thực tiễn tại tỉnh Quảng trị”

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong thời gian qua đã xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này trên khía cạnh pháp luật. Các tác phẩm đó đã đưa đến một cái nhìn tương đối toàn diện về hệ thống pháp luật Bảo hộ chỉ dẫn địa lý Việt Nam. Tuy nhiên chưa có bài viết nào khai thác dưới góc độ nông sản trong giai đoạn hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của việc nghiên cứu nhằm luận giải những vấn đề lý luận, các quy định của pháp luật hiện hành bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản, qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tìm hiểu các khái niệm cơ bản về quyền SHCN, chỉ dẫn địa lý đối với nông sản;
- Phân tích, hệ thống hóa các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho nông sản, có so sánh đối chiếu với pháp luật nước ngoài có liên quan;
- Đánh giá những thành tựu đạt được và những hạn chế còn tồn tại trong thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về chỉ dẫn địa lý của Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Trị nói riêng;
- Chỉ ra bất cập của pháp luật và việc áp dụng các quy định đó vào thực tiễn;
- Đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý của Việt Nam đối với riêng mặt hàng nông sản và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu trên các quan điểm, các quy định của pháp luật Việt Nam, quá trình áp dụng các quy định của pháp luật trong thực tiễn ở Việt Nam và tỉnh Quảng Trị để qua đó đưa ra một số đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý phù hợp.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Không gian*: Đề tài nghiên cứu các quy định của pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản.
- *Về thời gian*: Từ năm 2013- 2017
- *Địa bàn*: Khái quát địa bàn cả nước, tập trung vào thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này, tác giả đã dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lê Nin; chính sách phát triển kinh tế trong thời kỳ hội nhập quốc tế để giải quyết nhiệm vụ đặt ra.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp tổng hợp*:
- *Phương pháp phân tích*:
- *Phương pháp thống kê*:
- *Phương pháp so sánh*:

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

- Về lý luận: Luận văn hệ thống hóa cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng pháp luật và đưa ra các nhóm giải pháp. Các nghiên cứu về lý luận góp phần vào hoàn thiện pháp luật Việt nam về chỉ dẫn địa lý đối với nông sản.

- Về thực tiễn: Luận văn đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật tại địa bàn tỉnh Quảng Trị. Việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản qua thực tiễn áp dụng có những vướng mắc gì và đưa ra một giải pháp tổ chức thực hiện ở Việt nam nói chung và tỉnh Quảng Trị nói riêng để nâng cao thương hiệu nông sản của Việt Nam trên thị trường.

7. Kết cấu của luận văn

Đề tài được chia làm 3 phần: Phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận. Trong đó phần nội dung gồm 3 chương:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận và khung pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản

Chương 2. Thực trạng pháp luật và thực tiễn bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với hàng nông sản ở Việt Nam (trong đó tập trung tỉnh Quảng trị)

Chương 3. Định hướng, các giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ KHUNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐỐI VỚI NÔNG SẢN

1.1. Khái quát về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1.1. Khái niệm chỉ dẫn địa lý

“Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu có thể nhận biết được dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc được xác định, hoặc là từ khu vực, hoặc là từ địa phương, hoặc là từ vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể”.

1.1.1.2. Khái niệm nông sản

Theo Hiệp định nông nghiệp của Tổ chức thương mại thế giới, mặc dù không đưa ra khái niệm cụ thể nhưng căn cứ vào phụ lục về các nhóm hàng nông nghiệp, nông sản được hiểu với phạm vi khá rộng gồm mọi loại hàng hóa có nguồn gốc từ sản xuất nông nghiệp.

Theo từ điển Tiếng Việt, nông sản là sản phẩm nông nghiệp như thịt, trứng, rau, hoa quả (nói khái quát); thu mua nông sản. Theo tác giả hiểu nông sản là các sản phẩm từ hoạt động sản xuất nông nghiệp.

1.1.1.3. Khái niệm bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản

Bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản là việc Nhà nước ban hành các quy định về điều kiện, trình tự thủ tục bảo hộ đối với các nông sản (trong lĩnh vực nông nghiệp) và các cơ chế có liên quan bảo đảm và bảo vệ quyền của chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý đối với nông sản.

1.1.2. Ý nghĩa của việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản

Thứ nhất, bảo vệ quyền lợi cho nhà sản xuất và người tiêu dùng;

Thứ hai, nâng cao giá trị kinh tế cho nông sản địa phương;

Thứ ba, thúc đẩy kinh tế địa phương, vùng, lãnh thổ.

1.2. Khung pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản theo pháp luật Việt Nam

1.2.1. Hệ thống các văn bản pháp luật quy định về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản

Việt Nam là quốc gia bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo hướng ban hành luật riêng để điều chỉnh vấn đề này. Với tiềm năng nông sản nổi trội, nước ta đã sớm xây dựng và phát triển hệ thống pháp luật về chỉ dẫn địa lý, từng được ghi nhận trong các văn bản quan trọng như:

- Bộ luật Dân sự 2005 có một nội dung quy định về quyền SHCN; BLDS năm 2015 không quy định về quyền sở hữu trí tuệ mà để cho luật chuyên ngành quy định.

- Luật SHTT 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, trong đó dành riêng mục 6, phần thứ ba, chương VII để quy định về chỉ dẫn địa lý.

Ngoài ra, việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý còn được quy định tại một số văn bản luật có liên quan như Luật cạnh tranh năm 2004 về nhóm các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010; và hàng loạt văn bản hướng dẫn như Nghị định số 103/2006/NĐ – CP của Chính phủ; Nghị định số 105/2006/NĐ – CP của Chính phủ; Nghị định 99/2013/NĐ – CP của Chính phủ và các thông tư của BKHCN, như TT01/2007; TT18/2001; TT05/2013...

Mặt khác, Việt Nam cũng đã và đang là thành viên của nhiều Điều ước quốc tế đa phương và song phương; do đó, vấn đề bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở nước ta cũng chịu sự điều chỉnh của các điều ước này, gồm:

- Công ước Paris năm 1883 về bảo hộ SHCN.
- Hiệp định TRIPS năm 1994 về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền SHTT.

1.2.2. Nội dung pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản

Luật SHTT quy định một chỉ dẫn địa lý sẽ được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây: (1) Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có nguồn gốc địa lý từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lý; (2) Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có danh tiếng, chất lượng.

Với tư cách là một bộ phận của chỉ dẫn địa lý, nông sản muốn được bảo hộ phải đáp ứng 04 nhóm điều kiện cơ bản sau đây:

- Nông sản mang chỉ dẫn địa lý phải có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng.

- Nông sản phải có danh tiếng, tính chất, chất lượng đặc thù. Điều kiện này có thể chia thành hai nội dung liên quan mật thiết với nhau: (1) Danh tiếng của sản phẩm; (2) Tính chất, chất lượng đặc thù.

- Phải có mối quan hệ hữu cơ giữa danh tiếng, tính chất và chất lượng nông sản với điều kiện địa lý.

- Nông sản không thuộc các trường hợp không được bảo hộ của pháp luật.

1.2.2.2. Nội dung quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Thứ nhất, về quyền sở hữu đối với chỉ dẫn địa lý: Pháp luật Việt Nam hiện hành thống nhất quy định quyền sở hữu đối với chỉ dẫn địa lý thuộc về Nhà nước.

Thứ hai, về quyền quản lý đối với chỉ dẫn địa lý: Nhà nước là chủ sở hữu đối với chỉ dẫn địa lý tại Việt Nam nên quyền quản lý đương nhiên thuộc về Nhà nước

Thứ ba, về quyền sử dụng đối với chỉ dẫn địa lý: Tổ chức, cá nhân tiến hành sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý tại địa phương tương ứng là những đối tượng được trao quyền sử dụng.

1.2.2.3. Xác lập quyền quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý cho nông sản ở Việt Nam

Thứ nhất, về chủ thể đăng ký: Quyền nộp đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý theo pháp luật Việt nam thuộc về nhà nước(điều 88Luật SHTT)

Thứ hai, về trình tự thủ tục: Thực hiện theo thông tư 01/2007/ TT-BKHCN;Thông tư 13/2010/ TT-BKHCN;Thông tư 18/2011/BKHCN;Thông tư 01/2013/TT-BKHCN

1.2.2.4. Hành vi xâm phạm chỉ dẫn địa lý đối với nông sản.

Theo quy định của Luật SHTT, ba nhóm hành vi bị coi là xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý nông sản được bảo hộ bao gồm:

- Sử dụng chỉ dẫn địa lý và có nguồn gốc xuất xứ từ khu vực tương ứng, nhưng sản phẩm không đáp ứng được tiêu chuẩn về tính chất, chất lượng.

- Sử dụng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm tương tự nhằm mục đích lợi dụng danh tiếng, uy tín.

- Sử dụng bất kỳ dấu hiệu nào trùng hoặc tương tự chỉ dẫn địa lý làm cho người tiêu dùng hiểu sai về nguồn gốc sản phẩm.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản ở Việt Nam

1.3.1. Yếu tố pháp luật

Thứ nhất, điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lý chặt chẽ, thông qua thẩm định nhiều yếu tố. Tuy nhiên, những điều kiện này làm hạn chế việc lập hồ sơ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

Thứ hai, ảnh hưởng giữa các hệ thống bảo hộ chỉ dẫn địa lý nông sản

1.3.2. Yếu tố thực thi pháp luật

Thứ nhất, đối với Nhà nước

Chủ thể đăng ký, quản lý chỉ dẫn địa lý là nông sản chủ yếu là Nhà nước nên ít doanh nghiệp Việt Nam nào đủ tiềm lực để tự mình xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

Thứ hai, đối với doanh nghiệp

Việc đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý ít được các doanh nghiệp quan tâm như nhãn hiệu.

Thứ ba, ý thức cộng đồng

Ý thức cộng đồng tác động mạnh mẽ đến đăng ký bảo hộ và khai thác chỉ dẫn địa lý. Nếu một sản phẩm là nông sản được bảo hộ làm cho người tiêu dùng yên tâm hơn về chất lượng, tiêu thụ nhiều hơn thì thúc đẩy xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ và ngược lại.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Nội dung chương 1 đã khái quát cơ sở lý luận cũng như một số vấn đề cơ bản của pháp luật bảo hộ quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý dành cho nông sản. Từ những nghiên cứu đó, tác giả rút ra các kết luận sau:

1. Nông sản là một khái niệm có phạm vi khá rộng bao gồm tất cả những sản phẩm không qua chế biến công nghiệp phục vụ cho nhu cầu lương thực, thực phẩm của con người hoặc vật nuôi, có nguồn gốc từ lĩnh vực nông nghiệp. Như vậy, bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với hàng nông sản chính là việc Nhà nước, cơ quan có thẩm quyền và các chủ thể thông qua hệ thống pháp luật, tiến hành các hoạt động xác lập, khai thác, quản lý và bảo vệ quyền chỉ dẫn địa lý đối với các nhóm hàng trong phạm vi khái niệm nêu trên.

2. Pháp luật Việt Nam về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản quy định những vấn đề quan trọng sau: quy định về các điều kiện bảo hộ trong đó đặc biệt đề cao mối quan hệ giữa chất lượng/danh tiếng sản phẩm với điều kiện địa lý; nội dung quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý, trình tự thủ tục xác lập bảo hộ; quy định về các hành vi xâm phạm chỉ dẫn địa lý.

3. Luận văn cũng tìm hiểu pháp luật một số quốc gia trên thế giới quy định chỉ dẫn địa lý đối với nông sản theo hai hướng khác nhau: Ban hành hệ thống luật riêng hoặc bảo hộ thông qua hệ thống Luật nhãn hiệu. Tuy nhiên, cũng không thể khẳng định rằng phương thức nào hữu hiệu hơn mà nó phụ thuộc vào đặc điểm, quan niệm của quốc gia đó từ đó có cách quy định cụ thể.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐỐI VỚI NÔNG SẢN Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản

2.1.1. Pháp luật hiện hành về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản

2.1.1.1. Điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản ở Việt Nam

Một là, nông sản mang chỉ dẫn địa lý phải có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng.

Hai là, nông sản phải có danh tiếng, tính chất, chất lượng đặc thù. Điều kiện này có thể chia thành hai nội dung liên quan mật thiết với nhau: (1) Danh tiếng của sản phẩm; (2) Tính chất, chất lượng đặc thù.

Ba là, phải có mối quan hệ hữu cơ giữa danh tiếng, tính chất và chất lượng nông sản với điều kiện địa lý.

Bốn là, nông sản không thuộc các trường hợp không được bảo hộ của pháp luật.

Pháp luật SHTT Việt Nam hiện nay quy định nhóm các đối tượng sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa chỉ dẫn địa lý:

- Trường hợp tên gọi sử dụng để đăng ký trở nên quá phổ biến và được xem là tên gọi chung cho sản phẩm.
- Trường hợp chỉ dẫn địa lý của nước ngoài không được bảo hộ hoặc đã chấm dứt, không còn sử dụng ở quốc gia sở tại.
- Trường hợp chỉ dẫn địa lý trùng hoặc tương tự với một nhãn hiệu đang được bảo hộ và sẽ gây nhầm lẫn nếu sử dụng.
- Trường hợp chỉ dẫn địa lý gây hiểu sai lệch cho người tiêu dùng về nguồn gốc nông sản.

2.1.1.2. Nội dung quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Thứ nhất, về quyền sở hữu đối với chỉ dẫn địa lý: Pháp luật Việt Nam hiện hành thống nhất quy định quyền sở hữu đối với chỉ dẫn địa lý thuộc về Nhà nước.

Thứ hai, về quyền quản lý đối với chỉ dẫn địa lý: Nhà nước là chủ sở hữu đối với chỉ dẫn địa lý tại Việt Nam nên quyền quản lý đương nhiên thuộc về Nhà nước.

Thứ ba, về quyền sử dụng đối với chỉ dẫn địa lý: Tổ chức, cá nhân tiến hành sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý tại địa phương tương ứng là những đối tượng được trao quyền sử dụng.

2.1.1.3 Xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý cho nông sản ở Việt Nam

Thứ nhất, về chủ thể đăng ký: Quyền nộp đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý theo quy định của pháp luật Việt Nam thuộc về Nhà nước¹.

Thứ hai, về trình tự thủ tục:

Bước 1: Nộp đơn và các tài liệu liên quan đến Cục SHTT, gồm: Đơn đăng ký (theo mẫu), tờ khai (theo mẫu), Bản mô tả tính chất/chất lượng/danh tiếng sản phẩm (kèm theo tài liệu xác nhận), Bản đồ khu vực địa lý tương ứng.

Bước 2: Thủ tục xử lý đơn

- Thẩm định hình thức;
- Công bố đơn;
- Thẩm định nội dung.

Bước 3: Cấp văn bằng bảo hộ

Thứ ba, về thời hạn: Văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản (tức Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý) có hiệu lực vô thời hạn kể từ ngày cấp.

2.1.2. Những hạn chế của pháp luật hiện hành về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản

2.1.2.1. Bất cập trong quy định về chủ thể thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý

Bất kỳ tổ chức, cá nhân đơn lẻ nào cũng không thể đứng ra đại diện cho quyền lợi tập thể mà cần phải có một tổ chức được bầu cử theo nguyện vọng của đa số mới có thể đảm bảo được lợi ích chung cao nhất.

2.1.2.2. Bất cập trong quy định về điều kiện được bảo hộ chỉ dẫn địa lý

Thứ nhất, Mặc dù không có quy định bắt buộc, nhưng thông thường, yếu tố con người hay bí quyết nghề nghiệp vẫn là một phần không thể thiếu trong quá trình xem xét, đánh giá hồ sơ đăng ký.

Thứ hai, pháp luật SHTT cần diễn giải rõ ràng hơn về yêu cầu đối với các công đoạn sản xuất trên lãnh thổ tương ứng với chỉ dẫn địa lý.

Thứ ba, pháp luật thiếu sót quy định đối với hiện tượng đồng âm trong chỉ dẫn địa lý.

Thứ tư, về điều kiện đối với khu vực địa lý tương ứng, pháp luật Việt Nam hiện quy định: “Khu vực có ranh giới được xác định một cách chính xác bằng từ ngữ và bản đồ”.

¹ Quốc hội, Luật Sở hữu trí tuệ 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, Điều 88.

2.1.2.3. Bất cập trong việc cho phép sử dụng tên địa danh để đăng ký cho nhãn hiệu thông thường

Trước khi Luật SHTT 2005 được ban hành, nước ta cho phép đăng ký bảo hộ nhãn hiệu thông thường theo tên địa danh nếu được cơ quan có thẩm quyền đồng ý². Trong thời gian này, một số nhãn hiệu nông sản đã ra đời và nổi tiếng đến tận bây giờ như kẹo dứa Bến Tre, rượu vang Đà Lạt, phòng tằm Sa Đéc... Theo quy định của pháp luật hiện hành, tên địa danh, hay chính xác hơn là dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của nông sản bị coi là không có khả năng phân biệt³, do vậy khó có thể đăng ký bảo hộ nhãn hiệu thông thường. Tuy vậy, nếu như tên địa danh đã được thừa nhận rộng rãi với dang nghĩa một nhãn hiệu thì vẫn được chấp nhận.

2.1.2.4. Bất cập trong quy định về hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý đối với nông sản

Thứ nhất, luật chưa ban hành mẫu logo chỉ dẫn địa lý thống nhất cho tất cả các mặt hàng đã đăng ký bảo hộ thành công, bao gồm cả nông sản.

Thứ hai, pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản Việt Nam chưa có quy định cụ thể về địa vị pháp lý của chủ thể quản lý đối tượng SHCN này.

Thứ ba, hệ thống văn bản pháp lý về kiểm soát chất lượng chỉ dẫn địa lý đối với nông sản chưa được xây dựng.

Thứ tư, Luật SHTT lẫn các văn bản hướng dẫn thi hành đều không đề cập đến vấn đề bảo vệ điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái liên quan trực tiếp đến nông sản mang chỉ dẫn địa lý.

2.2. Thực tiễn bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản ở Việt Nam và ở tỉnh Quảng Trị

2.2.1. Tình hình bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản

Kể từ khi hai sản phẩm đầu tiên của Việt Nam là nước mắm Phú Quốc và chè Shan Tuyết Mộc Châu được bảo hộ chỉ dẫn địa lý vào năm 2001 (thời điểm đó sử dụng thuật ngữ “tên gọi xuất xứ hàng hóa”), tình hình đăng ký đã diễn ra mạnh và phổ biến hơn ở nước ta, nhất là với nông sản. Liên tiếp ba năm sau đó, có đến 17 hồ sơ đăng ký tên gọi xuất xứ được nộp lên Cục SHTT⁴. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian này, không có thêm bất kỳ đối tượng nào được chấp thuận bảo hộ. Lý do

² Chính phủ, Nghị định 63/CP quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp, Điều 6.2.

³ Quốc hội, Luật Sở hữu trí tuệ 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, Khoản đ, Điều 74.2.

⁴ Cục Sở hữu trí tuệ (2017), Báo cáo thường niên hoạt động sở hữu trí tuệ năm 2017, tr.82.

quan trọng nhất không phải vì chất lượng sản phẩm hay hồ sơ mà xuất phát từ sự chông chéo của quy định pháp luật đương thời.

Tính đến ngày 26/01/2018, theo thống kê của Cục SHTT, đã có 63 giấy chứng nhận bảo hộ chỉ dẫn địa lý được cấp. Giai đoạn từ 2010 đến 2014 là thời kỳ có tốc độ đăng ký và bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam được đẩy lên cao nhất.

2.2.2. Thực tiễn bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm tiêu Quảng Trị

Thứ nhất, tình hình bảo hộ chỉ dẫn địa lý tiêu Quảng Trị

Hiện nay, tỉnh Quảng Trị mới đăng ký và được bảo hộ quyền SHCN là chỉ dẫn địa lý đối với một loại sản phẩm là Tiêu. Có 4 sản phẩm được bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu chứng nhận; 5 sản phẩm được bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu tập thể.

Ngày 28 tháng 10 năm 2014, Cục Sở hữu trí tuệ đã ban hành Quyết định số 3875/QĐ-SHTT về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 00045 cho sản phẩm hạt tiêu nổi tiếng. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị là cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý này.

Để quản lý và khai thác, Tỉnh Quảng Trị đã giao cho Sở KH-CN quản lý chỉ dẫn địa lý “Tiêu Quảng Trị”. Sở KH-CN đã ban hành các Quyết định 199/QĐ-SKH-CN/2014; QDD198/QĐ-KH-CN/2014 quy định kiểm soát chất lượng và hệ thống nhãn hiệu, hệ thống tem sản phẩm.

Chất lượng nổi trội của hạt tiêu Quảng Trị có được là nhờ các điều kiện địa lý đặc thù của khu vực này.

- Lựa chọn vùng đất trồng tiêu: lựa chọn vùng đất có địa hình bằng phẳng, màu đỏ nâu, tơi xốp, tầng đất dày.

- Chọn và trồng cây làm choái (cột để trồng tiêu): hồ tiêu Quảng Trị được trồng trên choái cây sồng, cây thích hợp được sử dụng để làm choái sồng là cây mớ và cây mít.

- Chọn giống và ươm giống tiêu: chọn giống tiêu lá trung bình, cây xanh tốt, không bị sâu bệnh.

- Thời vụ trồng tiêu: từ tháng Tám đến tháng Chín.

- Trồng và chăm sóc cây tiêu.

- Thu hoạch và bảo quản tiêu.

Thứ hai, những vướng mắc trong bảo hộ và khai thác chỉ dẫn địa lý tiêu Quảng Trị

Một là, chưa xác định rõ chủ thể quản lý và chủ thể khai thác

Hai là, việc đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý nông sản tại Việt Nam là “vừa thiếu và vừa khó”.

Ba là, trình độ nhận thức về chỉ dẫn địa lý của cơ quan quản lý và tổ chức, cá nhân sử dụng còn thấp

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

1. Pháp luật Việt Nam về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với hàng nông sản quy định những vấn đề quan trọng sau: quy định về các điều kiện bảo hộ trong đó đặc biệt đề cao mối quan hệ giữa chất lượng/danh tiếng sản phẩm với điều kiện địa lý; nội dung quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý, trình tự thủ tục xác lập bảo hộ; quy định về các hành vi xâm phạm.

2. Hệ thống pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý tương đối đầy đủ nhưng cũng còn tồn tại những bất cập, hạn chế của pháp luật hiện hành về bảo hộ chỉ dẫn địa lý, về chủ thể quyền đăng ký... Nhìn chung, thiếu chặt chẽ và khó triển khai trong thực tế.

3. Thực tiễn bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với hàng nông sản ở Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Trị nói chung chưa tương xứng với tiềm năng thực tế. Do nhiều hạn chế khác nhau như điều kiện bảo hộ, chủ thể đăng ký, nhận thức các cấp chính quyền,... Do vậy, kể cả những hàng nông sản sau khi được bảo hộ cũng còn bất cập trong việc xác định chủ thể quản lý và chủ thể khai thác.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐỐI VỚI NÔNG SẢN

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam

Việt Nam đang bước vào giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Hiện nay, nước ta đang là thành viên của nhiều điều ước quốc tế liên quan đến vấn đề bảo hộ quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản để khai thác tiềm năng của ngành nông nghiệp để duy trì truyền thống và phát triển nông thôn

Mặc dù sở hữu nền nông nghiệp lâu đời với nhiều sản phẩm đặc sắc trải dài khắp mọi miền đất nước, nhưng phần lớn nông sản dù được xem là “quốc hồn, quốc túy” cũng chỉ mới thực sự được thương mại hóa rộng rãi trong khoảng hơn 05 năm trở lại đây. Do đó, tìm ra được hướng đi riêng, hiệu quả cho ngành nông nghiệp không chỉ giúp làm giảm tỷ lệ người dân chuyển đổi công việc, tăng khả năng giữ gìn ngành nghề truyền thống mà còn là giải pháp phát triển bền vững kinh tế nông thôn.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản phải tiếp cận những quy định của pháp luật quốc tế

Các quy định của pháp luật của Việt Nam về quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý nhìn chung tương đối đầy đủ, nhưng trong quá trình thực hiện lại đã và đang bộc lộ nhiều vướng mắc. Những bất cập đó thể hiện từ quy định về điều kiện bảo hộ, cơ chế bảo hộ cho đến biện pháp xử lý hành vi vi phạm.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện quy định về đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý

Một là, để đảm bảo việc nộp đơn đăng ký bảo hộ chính xác, đáp ứng yêu cầu về cả khoa học lẫn thực tiễn hoạt động cũng như bảo đảm thể chế kinh tế thị trường, công tác này nhất thiết phải có sự tham gia của tập thể các nhà sản xuất. Do đó, cần sửa đổi Điều 88 LSHTT, theo hướng xóa bỏ độc quyền đăng ký của cơ quan hành chính nhà nước.

Hai là, bổ sung thêm bản mô tả điều kiện cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý vào yêu cầu đối với hồ sơ đăng ký bảo hộ nộp lên Cục SHTT.

Ba là, bổ sung tiểu mục 43.5, Thông tư 01/2007/TT-BKHCHN về yêu cầu đối với bản đồ địa lý được nộp theo hồ sơ đăng ký.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện quy định về kiểm soát chất lượng nông sản mang chỉ dẫn địa lý

Một là, các cơ quan chức năng cần gấp rút ban hành mẫu logo, tem chứng nhận sử dụng chung cho tất cả các loại sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý.

Hai là, xây dựng trung tâm kiểm soát chất lượng độc lập hoặc giao cho các tổ chức chứng nhận tư nhân được công nhận thực hiện.

Bà là, quy định cụ thể cơ cấu, điều kiện thành lập và tăng cường trách nhiệm cho tổ chức tập thể đại diện.

Bốn là, phân định rõ nhiệm vụ của hệ thống quản lý ngoại vi với hệ thống quản lý nội bộ.

3.2.3. Giải pháp hoàn thiện quy định về biện pháp xử lý hành vi xâm phạm chỉ dẫn địa lý

Trước hết, đối với biện pháp xử phạt hành chính, cần sửa đổi căn cứ xử phạt dựa trên giá trị hàng thật tương ứng thay vì giá trị hàng hóa vi phạm như quy định hiện nay.

Ngoài ra, đối với biện pháp hình sự, phải có sửa đổi, bổ sung cần thiết để phân định rõ ràng giữa hai tội danh: sản xuất, kinh doanh hàng giả với xâm phạm quyền SHCN.

3.3. Các giải pháp thực hiện pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản

3.3.1. Nhóm giải pháp chung

Một là, định hướng cho các địa phương đăng ký bảo hộ nông sản dưới hình thức nhãn hiệu chứng nhận nếu gặp khó khăn trong việc đăng ký chỉ dẫn địa lý.

Hai là, sự tương tác giữa chính quyền địa phương với doanh nghiệp và nhà sản xuất

3.3.2. Nhóm giải pháp cho tỉnh Quảng Trị

Tỉnh Quảng Trị có 4 sản phẩm được bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận và 5 sản phẩm được bảo hộ nhãn hiệu tập thể. Chỉ có một sản phẩm được bảo hộ dưới hình thức chỉ dẫn địa lý. Tuy nhiên, để xây dựng thương hiệu có thể xuất khẩu ra được ngoài thì cần lựa chọn những sản phẩm đủ điều kiện để bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

Một là, bồi dưỡng năng lực cơ quan chức năng, xây dựng đội ngũ có chuyên môn có khả năng khai thác tài sản trí tuệ.

Hai là, gắn liền bảo hộ chỉ dẫn địa lý với hoạt động phát triển ngành du lịch.

Bà là, tổ chức đào tạo nghề, truyền đạt bí quyết nghề nghiệp cho thế hệ trẻ địa phương.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Nội dung chương 3 đã nghiên cứu nhu cầu, đồng thời đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với hàng nông sản. Có thể rút ra một số kết luận sau:

1. Việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý nói chung, đối với nông sản nói riêng ở Việt nam là nhu cầu tất yếu. Việc xác định nhu cầu là cơ sở để hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về chỉ dẫn địa lý, trong đó có nông sản là thế mạnh của Việt Nam, trong đó có tỉnh Quảng Trị. Xây dựng được những chỉ dẫn địa lý tạo đầu ra cho nông dân, hàng hóa xuất khẩu sang các nước phát triển thay vì bị động bởi thị trường Trung Quốc như hiện nay.

2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật được đề xuất trong chương này chủ yếu tập trung vào quy định về hồ sơ đăng ký, biện pháp xử lý hành vi xâm phạm và kiểm soát chất lượng nông sản mang chỉ dẫn địa lý; nhóm giải pháp bảo hộ và khai thác chỉ dẫn địa lý tại tỉnh Quảng Trị.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu, chúng tôi đưa ra một số kết luận sau đây:

1. Chỉ dẫn địa lý dù là vấn đề được ghi nhận lâu đời trong hoạt động thương mại nhưng lại là một chế định khá mới ở Việt Nam dưới góc độ lập pháp. Trong phạm vi đề tài luận văn đã cố gắng phân tích sâu sắc những vấn đề lý luận cơ bản, khái quát quy định pháp luật Việt Nam về bảo hộ chỉ dẫn địa lý nông sản trên cơ sở có so sánh với pháp luật một số quốc gia trên thế giới. Luận văn đưa ra một số nhận định được một số bất cập trong quy định pháp luật lần thực tiễn thi hành; qua đó, bước đầu đề xuất một số giải pháp sửa đổi, hoàn thiện cơ chế bảo hộ hiện nay.

2. Đặc điểm của một sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý là phải gắn liền với lợi thế địa lý trong đó yếu tố tự nhiên giữ vai trò cốt lõi, phần lớn hàng hóa được chấp thuận bảo hộ đều là nông sản. Trên cơ sở đó, chỉ dẫn địa lý cho những sản phẩm có nguồn gốc nông, lâm nghiệp, thủy sản đưa lại nhiều giá trị lớn lao từ việc nâng cao giá trị thương mại cho nông sản, giúp cải thiện đời sống người nông dân, bảo tồn và phát huy ngành nghề truyền thống của Việt Nam, hướng đến hiện đại hóa nông thôn và thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế cả nước và của tỉnh Quảng Trị.

3. Trong hai hướng tiếp cận, Việt Nam lựa chọn phương thức bảo hộ nguồn gốc xuất xứ nông sản bằng ban hành quy định độc lập về chỉ dẫn địa lý. Với lợi thế là người đi sau, nước ta đã kế thừa được không ít kinh nghiệm, đặc biệt là từ Liên minh châu Âu, để xây dựng một hệ thống pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý tương đối hoàn thiện. Dầu vậy, quá trình thi hành chế định nói trên đã và đang bộc lộ nhiều vướng mắc, bất cập. Chẳng hạn, các điều kiện bảo hộ đặt ra yêu cầu rất cao với nông sản nhưng không có hướng dẫn rõ ràng, cụ thể khiến chủ thể đăng ký lần cơ quan hành chính nhà nước đều lúng túng trong việc khi thực hiện quyền và nghĩa vụ. Mặt khác, luật SHTT Việt Nam chưa quy định chặt chẽ vấn đề kiểm soát chất lượng nông sản mang chỉ dẫn địa lý dẫn đến nguy cơ hàng giả, hàng kém chất lượng, làm suy thoái danh tiếng sản phẩm được bảo hộ. Bắt nguồn từ những vướng mắc của pháp luật, kết hợp với trình độ nhận thức, thực hiện còn nhiều hạn chế của cả cơ quan nhà nước lẫn cộng đồng sản xuất đã dẫn đến tình hình bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản Việt Nam không tương xứng với tiềm năng nông nghiệp cả nước, nên chưa đem lại hiệu quả cao như kỳ vọng.

4. Xét dưới góc độ kinh tế, chỉ dẫn địa lý nói chung và đối với nông sản nói riêng có vai trò to lớn trong sự phát triển của nền kinh tế

Việt Nam, trong đó có Tỉnh Quảng Trị. Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn ứng dụng, vẫn còn nhiều vấn đề chưa thể giải quyết, tiêu biểu như phương thức bảo hộ nông sản Việt tại Hoa Kỳ - một thị trường đặc biệt quan trọng nhưng không thừa nhận chế định chỉ dẫn địa lý. Các nhóm giải pháp đã được đề xuất phần lớn chỉ dừng lại ở mức độ định hướng, chưa có nhiều đột phá cũng như phân tích về những bước đi chi tiết và cụ thể. Tất cả những thiếu sót đó sẽ là cơ sở để tác giả tiếp tục hoàn thiện, phát triển đề tài bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với nông sản về sau.